

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-9-2022

V/v Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung
trong thời kỳ hôn nhân

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Mỹ Linh;
2. Ông Hồ Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: bà Võ Thị Ngọc Diễm, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc " *Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Neáng N, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Chau K, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

Người phiên dịch: bà Huỳnh Thị Kim H, Trưởng khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 14 tháng 3 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Neáng N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Chau K xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 1982 đến nay không có đăng ký kết hôn, sau khi cưới thì vợ chồng sống tại ấp A, xã C.

Trong thời gian chung sống ông Chau K không lo làm ăn, thường uống rượu, nhiều lần đánh, hăm dọa sẽ giết bà nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nhận thấy, vợ chồng không còn tình cảm nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Chau K.

Về con chung: Có 03 đứa con, Chau Sóc B, sinh năm 1984; Chau K1, sinh năm 1987 và Neáng N1, sinh năm 1991 (đã trưởng thành, có gia đình riêng) không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết ông Chau K có lời khai như sau:

Ông và bà Neáng N chung sống với nhau từ năm 1982 không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay bà Neáng N khởi kiện yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn với điều kiện khi nào bà N giao cho ông số tiền 150.000.000 đồng để ông cất nhà ở (vì hiện tại ông đang ở nhờ trên đất người khác, ngày thì làm công quả trong chùa để ăn cơm).

Về con chung: Chau S, sinh năm 1984; Chau K1, sinh năm 1987 và Neáng N1, sinh năm 1991 (đã trưởng thành, có gia đình riêng).

Về tài sản chung: Không nhớ rõ năm nào, khi tập đoàn S mua đất ở A để làm năng lượng mặt trời thì ông có bán 3.700 m² đất với giá 150.000.000 đồng, sau đó năm 2020 do đất lên giá nên được bồi hoàn thêm 300.000.000 đồng nữa. Số tiền 300.000.000 đồng này hiện nay do bà N đang giữ, ông yêu cầu chia đôi.

Về nợ chung: không có.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Neáng N và ông Chau K chung sống với nhau từ năm 1982, mặc dù không có đăng ký kết hôn nhưng hôn nhân được xác lập trước ngày 03/01/1987, thời điểm Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 chưa có hiệu

lực nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà N và ông K xảy ra mâu thuẫn do ông K không chí thú làm ăn, không chăm lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu và đánh bà N nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2017. Trong thời gian ly thân vợ chồng thấy rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Neáng N đối với ông Chau K.

Về con chung: Chau S, sinh năm 1984; Chau K1, sinh năm 1987 và Neáng N1, sinh năm 1991 (đã trưởng thành, có gia đình riêng) không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Ngày 23/5/2022 ông Chau K có yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, yêu cầu bà Neáng N phải giao cho ông số tiền 150.000.000 đồng và được Tòa án thụ lý ngày 20/6/2022. Tuy nhiên, ông Chau Khương lại có đơn xin rút lại yêu cầu phản tố và xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Chau K

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, ông Chau K vắng mặt. Nguyên đơn bà Neáng N vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Chau K đã được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Chau K.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Chau K có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Neáng N và ông Chau K chung sống với nhau từ năm 1982, trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực), nên được xem là hôn nhân thực tế. Xét thấy, trong quá trình chung sống bà N, ông K phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2017 đến nay là phù hợp với lời khai của nguyên đơn và bị đơn, cũng phù hợp với kết quả xác minh ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại ấp A, xã C xác định “...*Trong thời gian chung sống thấy ông K thường xuyên uống rượu, mỗi lần say thì ông K hăm dọa, cầm dao rượt và chửi*

bà N.....”. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Neáng N là có căn cứ.

Về con chung: Chau S, sinh năm 1984; Chau K1, sinh năm 1987 và Neáng N1, sinh năm 1991 (đã trưởng thành, có gia đình riêng) nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Ngày 23/5/2022, ông Chau K có yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, yêu cầu bà Neáng N phải giao cho ông số tiền 150.000.000 đồng và được Tòa án thụ lý ngày 20/6/2022. Tuy nhiên, ông Chau K lại có đơn xin rút lại yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phải tố và hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Chau K là phù hợp.

Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Bà Neáng N khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông Chau K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về việc thi hành luật hôn nhân gia đình .

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Neáng N đối với ông Chau K. Bà Neáng N được ly hôn với ông Chau K.

Về con chung: Chau S, sinh năm 1984; Chau K1, sinh năm 1987 và Neáng N1, sinh năm 1991 (đã trưởng thành, có gia đình riêng) nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Chau K về việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân đối với số tiền 150.000.000 đồng.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Neáng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008263 ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, bà Neáng N đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả cho ông Chau K tiền tạm ứng án phí 3.750.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008447 ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa